

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thay thế thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3159/TTr-SGDĐT ngày 26/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 85 thủ tục hành chính, trong đó 47 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 15 thủ tục hành chính được thay thế và 23 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội

dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các thủ tục hành chính, gồm: Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (mã số 1.005061); Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại (mã số 2.001987); Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (mã số 1.012960) tại Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 và hết hiệu lực kể từ ngày 01/3/2027.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, VX, Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, P.T.Dương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ,
BỊ BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG (47 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết TTHC		Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (31 TTHC)							
A1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (04 TTHC)							
1.	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
2.	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;

							Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
3.	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục: 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông: 7,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục: 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu. 	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
4.	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu. 	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP

A2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (09 TTHC)							
1.	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	06 ngày làm việc	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
2.	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	08 ngày làm việc	04 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
3.	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	13 ngày làm việc	6,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
4.	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	13 ngày làm việc	6,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
5.	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-

		tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực			- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.		CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
6.	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	08 ngày làm việc	04 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
7.	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
8.	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	12 ngày làm việc	6 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
9.	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	12 ngày làm việc	06 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

A3. LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (13 TTHC)

1.	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
2.	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
3.	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	- Đối với sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên: 15 ngày làm việc - Đối với cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục: 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên.	- Đối với sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên: 7,5 ngày làm việc - Đối với cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục: 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

4.	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
5.	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
6.	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	12 ngày làm việc	06 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
7.	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	13 ngày làm việc	6,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
8.	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

		nhân thành lập trường)			- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.		
9.	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
10.	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
11.	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	- Đối với sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật: 15 ngày làm việc, - Đối với cho phép trường được thành lập sau khi sáp nhập, chia, tách hoạt động giáo dục: 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Đối với sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật: 7,5 ngày làm việc, - Đối với cho phép trường được thành lập sau khi sáp nhập, chia, tách hoạt động giáo dục: 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

			quyết định sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật.	nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật.			
12.	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
13.	3.000306	Thành lập, cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

A4. LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI (05 TTTC)

1.	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP;
----	----------	--	------------------	------------------	--	-------	--

		tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ			- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.		Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
2.	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	Tối đa 30 ngày làm việc	Tối đa 15 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
3.	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	06 ngày làm việc	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
4.	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
5.	2.000688	Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

					- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.		
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (16 TTHC)							
B1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON (03 TTHC)							
1.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	8 ngày làm việc	4 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
2.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	08 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
3.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường	07 ngày làm việc	04 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
B2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC (04 TTHC)							

1.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
2.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	14 ngày làm việc	7 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
3.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	13 ngày làm việc	6,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP

4.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
----	----------	--	------------------	-----------------	--	-------	--

B3. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (04 TTHC)

1.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
2.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;

							Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
3.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
4.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP

B4. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (03 TTHC)

1.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
----	----------	---	------------------	------------------	--	-------	--

2.	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
3.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

B5. LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (02 TTHC)

1.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và	12 ngày làm việc	06 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP
----	----------	---	------------------	------------------	--	-------	--

		chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở					
2.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ (15 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	sau cắt giảm			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (15 TTHC)								
A1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (15 TTHC)								
1.	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật	16 ngày làm việc đối với cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp (bao gồm cả trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận);	08 ngày làm việc đối với cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp (bao gồm cả trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận);	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
2.	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
3.	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn						

		đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận						
4.	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận						
5.	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
6.	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
7.	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp,	15 ngày làm việc.	7,5 ngày làm việc.	- Trung tâm Phục vụ hành	Không	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP;

		ngiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
8.	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài						
9.	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
10.	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu						

		của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài						
11.	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giải thể phân hiệu của trường trung cấp	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
12.	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.	Không	Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
13.	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
14.	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành	Không	140/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; Nghị định số

		dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	nghề nghiệp đối với trường trung cấp			chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu.		142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
15.	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp						

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)

B1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON (04 TTHC)

1.	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu	Thành lập hoặc cho phép thành lập nhà trẻ, trường	12 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-
----	----------	--	---	------------------	------------------	-------------------	-------	--

		giáo, trường mầm non, nhà trẻ	mẫu giáo, trường mầm non			hành chính công cấp xã.		CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
2.	1.006390	Cho phép trường mầm giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Cho phép nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	12 ngày làm việc	6 ngày làm việc		Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
3.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Sáp nhập, chia, tách nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non	12 ngày làm việc	6 ngày làm việc		Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP

4.	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giải thể nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc		Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP
----	----------	---	--	------------------	-------------------	--	-------	--

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (23 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (18 TTHC)			
A1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC			
1.	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
A2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN			
1.	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tự thực hoạt động trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
2.	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	
3.	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tự thực hoạt động trở lại	
A3. LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC			
1.	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
2.	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	
3.	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	
A4. LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI			
1.	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
2.	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
3.	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	

4.	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
5.	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
6.	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
7.	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	
8.	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ
9.	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
10.	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
11.	2.000691	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (05 TTHC)			
B1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON			
1.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP của Chính phủ
2.	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	
B2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC			
1.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP của Chính phủ
B3. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC			

1.	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP của Chính phủ
B4. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN			
1.	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP của Chính phủ